

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khoá 13 nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty mía đường I - Công ty CP;
Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản ngày 30/6/2020,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo số 410/BC-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2019 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Tổng doanh thu : 989,467 tỷ đồng
2. Lợi nhuận trước thuế : 2,689 tỷ đồng
3. Nộp ngân sách : 1,129 tỷ đồng
4. Cổ tức : 0%
5. Thu nhập bình quân người lao động: 12.938.000 đồng/người/tháng

Điều 2. Thông qua báo cáo số 411/BC-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 về báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán với một số chỉ tiêu chủ yếu sau: (Đơn vị tính: đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Tại thời điểm 31/12/2019	Tại thời điểm 01/01/2019
I	Tổng tài sản	1.056.189.306.958	1.207.677.453.566
1	Tài sản ngắn hạn	522.823.931.709	687.121.152.520
2	Tài sản dài hạn	533.365.375.249	520.556.301.046
II	Tổng nguồn vốn	1.056.189.306.958	1.207.677.453.566
1	Nợ phải trả	586.746.415.871	708.862.164.572
2	Vốn chủ sở hữu	469.442.891.087	498.815.288.994

Điều 3. Thông qua báo cáo số 412/BC-MĐI-BKS ngày 19/6/2020 của BKS về kết quả hoạt động năm 2019; Phương hướng, nhiệm vụ năm 2020.

Điều 4. Thông qua tờ trình số 413/TTr-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 về phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019 như sau:

1. Phương án phân chia lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2019:

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Vốn điều lệ	430.490.990.000
2	Lợi nhuận trước thuế năm 2019	2.689.214.754
3	Thuế TNDN phải nộp năm 2019	1.203.329.859
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2019 (4=2-3)	1.485.884.895
5	Lợi nhuận của các năm trước để lại	25.318.528.334
6	Tổng lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2019 (4+5)	26.804.413.229
7	Trích lập các quỹ	44.576.547

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
7.1	Quỹ khen thưởng phúc lợi (0%) từ lợi nhuận năm 2019	
7.2	Quỹ Đầu tư phát triển (3%) từ lợi nhuận năm 2019	44.576.547
7.3	Chia cổ tức năm 2019 (0%)	0
8	Lợi nhuận để chia cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	12.914.729.700
9	Lợi nhuận để lại sang năm 2020 (6-7)	13.845.106.982

2. Giao Hội đồng quản trị tổ chức sử dụng hiệu quả các nguồn quỹ theo đúng quy định của điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

Điều 5. Thông qua ủy quyền cho Tổng giám đốc TCT cam kết tập trung, chủ động thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm tại báo cáo số 410/BC-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020, tờ trình số 414/TTr-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 và kế hoạch tài chính năm 2019 tại báo cáo số 411/BC-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020. Trong đó:

1. Kế hoạch SXKD năm 2020

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	So sánh KH 2020/ TH 2019
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	989,467	1.326,810	134,09%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,689	4,510	167,72%
3	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	1,129	0,835	73,94%
4	Cổ tức	%	0	0	-
5	Thu nhập BQ người lao động (ng/th)	Triệu đồng	12,938	12,673	97,95%

2. Kế hoạch tài chính năm 2020

- Số dư tiền đầu kỳ : 4.321.778.000 đồng
- Thu trong kỳ : 961.021.382.000 đồng
- Chi trong kỳ : 958.334.953.000 đồng
- Tồn cuối kỳ : 7.008.208.000 đồng

Điều 6. Thông qua kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2020 đến năm 2025 của Công ty CP mía đường Sơn Dương và Công ty CP bánh kẹo Hải Châu tại báo cáo số 410/BC-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020. Cụ thể:

1. Tại Công ty CP mía đường Sơn Dương

1.1. Thực hiện chương trình tái cơ cấu giai đoạn 2020 đến năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
I	Mía nguyên liệu							
1	Diện tích thu hoạch	Ha	4.197	6.967	9.467	10.467	11.267	12.067
2	Năng suất	Tấn/ha	55	62	64	65	65	67
3	Sản lượng mía	Tấn	228.000	425.475	596.800	670.150	721.370	791.923
II	Sản xuất công nghiệp							
1	Giá trị TSL	Tr.đ	334.950	384.821	531.307	608.574	658.251	749.698
2	Sản lượng sản xuất							
2.1	Sản phẩm đường SX	Tấn	23.385	45.375	64.264	72.955	79.396	88.122
2.2	Mật ri	Tấn	8.517	16.168	22.678	25.466	27.412	30.093
2.3	Phân bón HCK	Tấn	7.000	23.500	33.000	38.500	44.500	50.000
2.4	Điện	1.000Kw	33.250	55.269	62.565	63.193	63.646	70.564

1.2. Hiệu quả tái cơ cấu

1.2.1. Hiệu quả từ xử lý tài chính và cơ cấu lại các khoản nợ ngân hàng

- Giảm tiền thuế giá trị gia tăng đầu vào của mía nguyên liệu: 34,981 tỷ đồng.
- Giảm số nợ phải trả đến hạn trong năm 2020 tại Ngân hàng đầu tư và phát triển: 13.621.104.000 đồng.
- Giảm số nợ phải trả đến hạn trong năm 2020 tại Ngân hàng phát triển: 13.790.000.000 đồng.

1.2.2. Hiệu quả sản xuất kinh doanh

a) Kết quả sản xuất

Khai thác tối đa công suất các dây chuyền đường, phân hữu cơ khoáng và nhà máy điện - công suất ép bình quân của 2 nhà máy đường đạt 5.300 TMN (bằng 98% công suất thiết kế; Công suất bình quân của 2 dây chuyền phân bón đạt 33.583 tấn/năm (bằng 84% công suất thiết kế); Công suất bình quân của nhà máy điện đạt 59.571.000 kw/năm.

b) Hiệu quả sản xuất kinh doanh

Stt	Nội dung	ĐVT	Lợi nhuận kế hoạch trước thuế					
			Vụ 19/20	Vụ 20/21	Vụ 21/22	Vụ 22/23	Vụ 23/24	Vụ 24/25
I	KỊCH BẢN 1 - GIÁ MÍA 800 Đ/KG							
1	Giá đường = 11.500 đ/kg	Tr.đ	(30.651)	(14.661)	(4.253)	19.737	51.489	113.785
2	Giá đường = 12.000 đ/kg	Tr.đ	(17.065)	6.947	26.349	54.478	89.297	155.748
3	Giá đường = 12.500 đ/kg	Tr.đ	(3.479)	28.554	56.951	89.219	127.105	197.711
4	Giá đường = 13.000 đ/kg	Tr.đ	10.107	50.161	87.553	123.959	164.913	239.673
II	KỊCH BẢN 2 - GIÁ MÍA 850 Đ/KG							
1	Giá đường = 11.500 đ/kg	Tr.đ	(44.189)	(32.585)	(33.805)	(23.060)	3.316	51.932
2	Giá đường = 12.000 đ/kg	Tr.đ	(30.603)	(10.978)	(3.203)	11.681	41.123	93.894
3	Giá đường = 12.500 đ/kg	Tr.đ	(17.017)	10.629	27.399	46.422	78.931	135.857
4	Giá đường = 13.000 đ/kg	Tr.đ	(3.431)	32.236	58.001	81.163	116.739	177.820
C	KỊCH BẢN 3 - GIÁ MÍA 900 Đ/KG							
1	Giá đường = 11.500 đ/kg	Tr.đ	(57.170)	(53.484)	(63.130)	(55.989)	(32.131)	13.019
2	Giá đường = 12.000 đ/kg	Tr.đ	(43.584)	(31.877)	(32.528)	(21.249)	5.677	54.982
3	Giá đường = 12.500 đ/kg	Tr.đ	(29.998)	(10.270)	(1.926)	13.492	43.485	96.944
4	Giá đường = 13.000 đ/kg	Tr.đ	(16.412)	11.338	28.676	48.233	81.293	138.907

1.2.3. Hiệu quả của cổ đông: Đến năm 2025 chỉ tiêu cổ tức tương ứng với giá đường 11.500 đ/kg; 12.000 đ/kg; 12.500 đ/kg và 13.000 đ/kg theo các kịch bản giá mía như sau:

- Giá mía nguyên liệu 800 đ/kg: Cổ tức 8%; 12%; 30% và 30%;
- Giá mía nguyên liệu 850 đ/kg: Cổ tức 5%; 8%; 15% và 25%;
- Giá mía nguyên liệu 900 đ/kg: Cổ tức 0%; 5%; 10% và 15%.

Tuy nhiên, nếu không được Chính phủ tái cơ cấu Ngành mía đường, thì Công ty CP mía đường Sơn Dương sẽ không cơ cấu lại được các nguồn lực, tài chính khó khăn, thiếu vốn để duy trì sản xuất - Công ty sẽ phải công bố dừng sản xuất từ vụ 2021 - 2022, đến khi được xử lý và đủ điều kiện phục hồi sản xuất hoặc bán khoán cho thuê (nếu có).

2. Tại Công ty CP bánh kẹo Hải Châu

2.1. Thực hiện chương trình tái cơ cấu giai đoạn năm 2020 đến năm 2025 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

2.1.1. Phát triển sản xuất

Phát triển nhanh, mạnh sản phẩm khác biệt, sản phẩm mới, đa dạng mẫu mã chủng loại; tạo giá trị và lợi ích dịch vụ tăng cao cho khách hàng. Cụ thể:

a) Nhóm sản phẩm bánh

- Về năng lực sản xuất: Đến năm 2025, tổng năng lực sản xuất bánh đạt 30.000 tấn - tăng 9,09% so với năm 2020.

- Về sản lượng sản xuất: Đến năm 2025 sản phẩm bánh các loại đạt 14.124 tấn, tăng 96,82% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 11,56%/năm.

b) Nhóm sản phẩm kẹo

- Về năng lực sản xuất: Đến năm 2025, tổng năng lực sản xuất kẹo đạt 900 tấn - tăng 12,5% so với năm 2020.

- Về sản lượng sản xuất: Đến năm 2025, sản phẩm kẹo các loại đạt 515 tấn, tăng 180,55% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 17,13%/năm.

c) Nhóm sản phẩm gia vị thực phẩm

- Về năng lực sản xuất: Đến năm 2025, tổng năng lực sản xuất gia vị thực phẩm đạt 90.000 tấn - tăng 125% so với năm 2020.

- Về sản lượng sản xuất: Đến năm 2025 sản phẩm gia vị thực phẩm đạt 61.951 tấn, tăng 143,14% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 16,24%/năm.

d) Nhóm sản phẩm đồ uống

- Về năng lực sản xuất: Đến năm 2025 năng lực sản xuất dòng sản phẩm nước giải khát đạt 31 triệu lít/năm - tăng 417% so với năm 2020.

- Về sản lượng sản xuất: Đến năm 2025 sản phẩm đồ uống đạt 7,710 triệu lít, tăng 792,38% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 65,15%/năm.

2.1.2. Phát triển thị trường, thị phần

a) Thị trường trong nước: Phát triển mạnh và sâu thị trường bán lẻ tại 63 tỉnh thành - đến năm 2025 sau khi mở rộng và tổ chức lại đạt 85.000 điểm bán lẻ tăng 40% so với năm 2020.

b) Thị trường thế giới

- Xuất khẩu bánh, kẹo: đến năm 2025 có 10% ÷ 15% sản lượng sản xuất được xuất khẩu sang Châu Á.

- Xuất khẩu gia vị thực phẩm: đến năm 2025 có 5% ÷ 10% sản lượng sản xuất được xuất khẩu sang các nước Châu Á.

2.1.3. Phát triển năng lực tài chính

Nâng cao năng lực hệ thống quản lý tài chính, xây dựng nguồn lực tài chính mạnh, ít rủi ro, cải thiện các chỉ tiêu tài chính; Cân đối vốn và kiểm soát chi phí cao. Trong đó, tiếp tục thực hiện tăng vốn điều lệ lên 238,962 tỷ đồng theo phương án chào bán cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 619/NQ-HC-ĐHĐCĐ ngày 20/9/2018 (tăng thêm 116,667 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2019).

2.2. Hiệu quả tái cơ cấu

2.2.1. Doanh thu đến năm 2025 đạt 2.205 tỷ đồng, tăng 163,22% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 17,83%/năm.

2.2.2. Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động SXKD đến năm 2025 đạt 42,700 tỷ đồng, tăng 185,48% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 15,34%/năm.

2.2.3. Cổ tức đến năm 2025 đạt 15% - tăng 114,29% so với năm 2020; Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2020 - 2025 là 9,15%/năm.

Điều 7. Thông qua tờ trình số 415/TTr-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 về mức lương, thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2020 như sau:

1. Mức thù lao năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty cụ thể như sau:

1.1. Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 10.500.000 đ/tháng.

- Thành viên Hội đồng quản trị : 7.000.000 đồng/người/tháng.

1.2. Ban kiểm soát

- Trưởng Ban kiểm soát : 7.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên Ban kiểm soát : 3.500.000 đồng/người/tháng

3. Từ ngày 01/01/2021 đến ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Tổng công ty nếu chưa có quy định mới thì tạm thực hiện theo mức thù lao năm 2020.

4. Thù lao và kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Tổng công ty năm 2019 tối đa là 0,5% doanh thu thuần.

Điều 8. Thông qua tờ trình số 416/TTr-MĐI-HĐQT ngày 19/6/2020 về lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020 của Tổng công ty như sau:

1. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn Công ty kiểm toán cho năm tài chính 2020 của Công ty cổ phần mía đường Sơn Dương.

2. Đơn vị kiểm toán là một trong các Công ty có trong danh sách được phép kiểm toán Công ty đại chúng, Công ty niêm yết.

Điều 9. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Tổng công ty mía đường I - Công ty cổ phần thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 30/6/2020. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc căn cứ thẩm quyền và chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các quyết nghị nêu trong Nghị quyết này theo đúng qui định của pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức và hoạt động của của Tổng công ty./.

Nơi nhận:

- Cổ đông TCT;
- HĐQT, BKS, B.TGD;
- Các phòng ban, đơn vị;
- Niêm yết công khai tại TCT;
- Đăng tải trên website của TCT;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TOA CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Văn Hội